

Thứ tư, ngày 24 tháng 6 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên điều chỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 25/06/2020		•	
Tuần 22/6-26/6/2020		•	
Tháng 6/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau nhịp tích lũy ngắn hạn, thị trường đã điều chỉnh trong phiên giao dịch hôm nay. Thị trường vận động quanh ngưỡng tham chiếu từ phiên sáng đến giữa phiên chiều. Đà giảm điểm tăng mạnh vào giữa phiên khiến chỉ số đóng cửa với 2/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại đã mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Thanh khoản suy giảm, biên độ nới rộng với độ rộng thị trường tiêu cực cho thấy tâm lý chột lải đang làm chủ các hoạt động giao dịch trong phiên hôm nay. VN-Index sẽ dao động trong vùng điểm 840-880 trong các phiên giao dịch tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết đều giảm điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 770 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 24/6/2020, chứng khoán cơ sở và chứng quyền đa số đều ở trong sắc đỏ. Giá trị giao dịch giảm so với phiên hôm trước.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Stay-at-home_1.0%**

Phân tích kỹ thuật: TRC_Tăng giá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-8.49** điểm, đóng cửa **859.71** điểm. HNX-Index **-0.93** điểm, đóng cửa **113.70** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VNM (+0.55); VIC(+0.48); PNJ (+0.04); MBB (+0.04); DGW(+0.03).**
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-1.91); VCB (-1.38); SAB (-0.73); GAS (-0.71); CTG(-0.48).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **4,178** tỷ đồng, giảm **-19.9%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 15.55 điểm, nới rộng so với phiên liền trước. Thị trường có 99 mã tăng, 60 mã tham chiếu và 268 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **59.55** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FUEVFNVD (53.0 tỷ), PLX (45.8 tỷ) và NVL (15.3 tỷ).** Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-2.42** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

859.71

Giá trị: 4178.42 tỷ

-8.49 (-0.98%)

Khối ngoại (ròng): 59.55 tỷ

HNX-INDEX

113.70

Giá trị: 623.32 tỷ

-0.93 (-0.81%)

Khối ngoại (ròng): -2.42 tỷ

UPCOM-INDEX

56.74

Giá trị: 0.28 tỷ

0.1 (0.18%)

Khối ngoại (ròng): -4.17 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	39.8	-1.46%
Giá vàng	1,775	0.37%
Tỷ giá USD/VND	23,203	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	26,149	0.72%
Tỷ giá JPY/VND	21,782	0.01%
LS liên NH 1 tháng	0.3%	-24.92%
LS TPCP 5 năm	2.0%	-1.75%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUEVFNVD	53.1	DBC	20.2
PLX	45.8	TRC	15.9
NVL	15.3	VHM	13.4
HPG	12.7	CII	8.3
VCB	12.6	CTD	7.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review
24/6/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Stay-at-home_1.0%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	16/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Stay-at-home	1.0%	2.6%	6.9%	47.9%	7.3%	7.3%	17.7%
Hàng tiêu dùng	1.0%	2.4%	5.0%	55.7%	0.4%	0.4%	19.8%
Dầu khí	0.7%	1.0%	6.1%	48.7%	-19.6%	-19.6%	25.2%
Lãi suất giảm	0.2%	1.0%	8.8%	55.2%	2.4%	2.4%	19.6%
Ngành Dược	0.0%	0.3%	-1.0%	16.6%	-6.6%	-6.6%	18.1%
FTSE Việt Nam	-0.3%	-0.8%	-0.2%	28.5%	-8.2%	-8.2%	17.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.3%	0.2%	1.6%	36.3%	6.0%	6.0%	15.8%
Vật liệu Xây dựng	-0.4%	-0.9%	2.8%	49.0%	0.9%	0.9%	20.7%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.5%	-0.2%	-0.4%	31.7%	-9.2%	-9.2%	18.0%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.6%	-0.2%	-1.8%	38.6%	-11.5%	-11.5%	21.4%
Chiến tranh thương mại	-0.7%	-2.0%	1.9%	44.8%	-8.3%	-8.3%	18.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.7%	-0.9%	-1.2%	29.0%	-9.4%	-9.4%	16.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.7%	-0.1%	-0.5%	30.6%	-13.8%	-13.8%	16.8%
VN Diamond	-0.7%	-0.1%	-0.8%	32.8%	-12.6%	-12.6%	19.7%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.8%	-0.5%	1.1%	34.7%	-10.4%	-10.4%	19.5%
Ngân Hàng	-0.9%	-1.3%	1.2%	33.7%	-3.9%	-3.9%	23.2%
Nước & Năng lượng	-1.1%	0.2%	1.3%	30.2%	-7.6%	-7.6%	16.8%
VN FinSelect	-1.2%	-1.3%	1.2%	35.1%	-5.5%	-5.5%	19.9%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-1.3%	-1.6%	1.0%	35.9%	-6.0%	-6.0%	21.5%
BDS & Khu công nghiệp	-1.5%	-2.8%	4.1%	33.1%	-7.7%	-7.7%	17.8%
Corona Avengers	-1.6%	-0.3%	3.3%	52.3%	0.3%	0.3%	22.1%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-2.1%	0.4%	7.6%	46.5%	-0.7%	-0.7%	22.3%
Xây dựng	-2.1%	1.4%	4.1%	44.2%	-1.1%	-1.1%	19.4%
Bất động sản Khu công nghiệp	-2.2%	-3.2%	-1.1%	6.3%	6.3%	6.3%	26.1%
Mục tiêu	7/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S11	0.0%	0.1%	3.4%	30.4%	-0.3%	-0.3%	18.8%
L22	-0.3%	0.0%	1.6%	42.6%	-6.5%	-6.5%	19.9%
M12	-0.7%	-0.1%	-0.3%	31.1%	-6.4%	-6.4%	19.9%
L11	-0.8%	-0.1%	2.9%	33.1%	-7.8%	-7.8%	17.7%
S21	-0.8%	-0.1%	-0.5%	36.6%	-7.5%	-7.5%	20.0%
M31	-0.8%	-0.4%	1.0%	35.1%	-7.7%	-7.7%	21.3%
M22	-0.9%	-0.4%	0.6%	38.7%	-2.6%	-2.6%	18.9%
S32	-1.7%	-0.3%	0.3%	45.9%	-14.4%	-14.4%	22.4%
L32	-1.7%	-1.9%	3.4%	54.2%	-6.6%	-6.6%	21.1%
Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	-0.4%	1.0%	6.5%	44.5%	4.0%	4.0%	17.6%
LOW1	-0.8%	0.1%	0.9%	29.2%	-4.7%	-4.7%	17.2%
HIGH3	-1.3%	-1.3%	-0.8%	38.4%	-1.4%	-1.4%	19.3%
INDEX							
VNINDEX	-1.0%	-1.0%	-0.6%	29.8%	-10.5%	-10.5%	16.9%
VN30INDEX	-0.7%	-0.8%	-0.6%	31.2%	-8.8%	-8.8%	17.5%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	16	8	18	6	19	5
Mục tiêu	9	7	2	8	1	9	0
Rủi ro	3	2	1	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

TRC_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: TRC nằm trong xu hướng hồi phục sau khi tạo đáy tại ngưỡng giá 21.3. Thanh khoản cổ phiếu bắt đầu có dấu hiệu hồi phục trong hai phiên giao dịch gần nhất. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ xu hướng tăng giá của cổ phiếu. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, báo hiệu xu hướng tăng giá trung hạn. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế quanh quanh vùng giá 30-31 và có thể cân nhắc chốt lãi tại vùng kháng cự 39-40 trong các phiên giao dịch tới. Cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 27.5.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_ Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_ Tín hiệu tích

[Link](#)

PC1_Tăng giá

[Link](#)

CTI_Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 24/06

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	40.10	-0.67%	4.90%	19.20%	-27.96%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	42.42	-0.49%	4.20%	17.40%	-31.21%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	130.24	0.23%	7.20%	23.80%	-26.35%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1770.03	0.09%	2.50%	2.20%	26.84%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.92	-0.14%	2.40%	3.70%	19.22%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	875.75	0.20%	-0.10%	3.70%	-7.45%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	490.50	-0.10%	-0.70%	-4.30%	-12.84%		AFX
Sữa	USD /cwt	21.01	0.05%	1.30%	23.40%	24.61%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	147.93	-0.19%	1.00%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.92	-1.16%	-2.90%	8.40%	-13.56%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	98.20	0.20%	2.70%	-7.60%	-15.24%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5905.00	0.42%	3.10%	9.50%	-2.27%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	511.70	-0.07%	0.90%	4.00%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1595.00	-0.50%	-0.20%	4.90%	-12.07%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	108.10	0.99%	-0.90%	7.20%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	52.85	-0.94%	0.00%	-6.50%	-31.41%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 8/2020 giảm 45 US cent (1%) xuống 42.63 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 8/2020 giảm 36 US cent (0.9%) xuống 40.37 USD/thùng.
- Yếu tố chính tác động tới giá dầu lúc cuối ngày hôm qua là dự đoán số liệu cho thấy tồn trữ dầu của Mỹ sẽ cao kỷ lục tuần thứ 3 liên tiếp, làm giảm tâm lý kỳ vọng vào tăng trưởng kinh tế kéo theo tăng nhu cầu dầu của các nhà đầu tư. Theo Viện Dầu khí Mỹ, tồn trữ dầu nước này nhiều khả năng sẽ cao hơn con số tăng 1.7 triệu thùng đưa ra hồi tuần trước. Số liệu của Chính phủ sẽ được công bố vào hôm nay, 24/6.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.7% lên 1,765.99 USD/ounce, vàng kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn New York tăng 0.9% lên 1,782 USD/ounce.
- Phiên giao dịch vừa qua, giá vàng đã tăng lên mức cao nhất kể từ tháng 10/2012 do đồng USD mất giá và các ngân hàng trung ương tăng cường kích thích tiền tệ sau khi số ca nhiễm virus SARS-CoV-2 gia tăng trở lại, gây lo ngại cho sức khỏe kinh tế toàn cầu.
- Phiên vừa qua, đồng USD giảm 0.5% xuống 96.6 so với rổ các tiền tệ chủ chốt, khiến cho giá vàng trở nên rẻ hơn đối với những nhà đầu tư mua vàng bằng những loại tiền khác.
- Ngân hàng Goldman Sachs ngày 19/6/2020 dự báo giá vàng sẽ tiếp tục tăng do những mối lo ngại hiện tại và sự thiếu chắc chắn về triển vọng kinh tế do dịch Covid-19. Theo đó, dự báo về giá vàng trong vòng 3, 6 và 12 tháng tới được điều chỉnh tăng lên lần lượt 1,800 USD/ounce, 1,900 USD/ounce và 2,000 USD/ounce, từ mức 1,600, 1,650 và 1,800 USD dự báo trước đây.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Đại Liên giảm 0.3% xuống 757 CNY (107.05 USD)/tấn. Xuất khẩu quặng sắt từ Australia và Brazil tăng 1.4 triệu tấn trong tuần vừa qua so với tuần trước, lên 26.57 triệu tấn. Giá thép cây kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 0.7% xuống 3,610 CNY/tấn, thép cuộn cán nóng giảm 1.1% xuống 3,630 CNY/tấn.
- Nguồn Reuters đưa tin, Ấn Độ ngày 23/6 đã quyết định áp thuế chống phá giá đối với các sản phẩm thép cán phẳng (flat rolled steel) mạ hoặc tráng hợp kim nhôm và kẽm có xuất xứ từ các nước Trung Quốc, Việt Nam và Hàn Quốc. Theo đó, thuế này sẽ nằm trong khoảng 13.07- 173.10 USD/tấn, thời hạn áp thuế là 5 năm. Trong mấy ngày qua, Ấn Độ đã thực hiện một số biện pháp để bảo vệ ngành công nghiệp trong nước của mình, cụ thể hóa chủ trương của Thủ tướng Narendra Modi là thúc đẩy nền kinh tế trong nước đang bị chậm lại, tạo công ăn việc làm cho người dân. Động thái áp thuế hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc được coi là một trong những sự trả đũa vì vụ việc xung đột ở biên giới với Trung Quốc đã khiến cho 20 binh sĩ Ấn Độ bị thiệt mạng.

Giá cao su

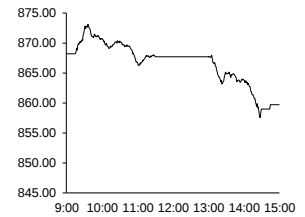
- Giá cao su kỳ hạn tháng 11/2020 trên sàn TOCOM tăng 0.1 JPY lên 157.8 JPY (1.47 USD)/kg. Đồng thời, giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Thượng Hải giữ vững ở 10,400 CNY (1,472 USD)/tấn.
- Giá cao su trên sàn Tokyo (TOCOM) tăng trong phiên vừa qua sau khi Tổng thống Mỹ Donald Trump khẳng định thỏa thuận thương mại với Trung Quốc vẫn đang đi đúng hướng.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2020 trên sàn ICE giảm 0.13 US cent (1.1%) xuống 11.79 US cent/lb do thị trường tiếp tục thiếu xu hướng rõ ràng sau khi giá giảm khỏi mức cao nhất 3 tháng là 12.27 đạt tới hồi đầu tháng 6/2020. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2020 cũng giảm 1.9 USD (0.5%) xuống 362.60 USD/tấn.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 9 tăng 0.2 US cent (0.2%) lên 98.2 US cent/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 9 giảm 3 USD (0.3%) xuống 1,185 USD/tấn.

Hình 1

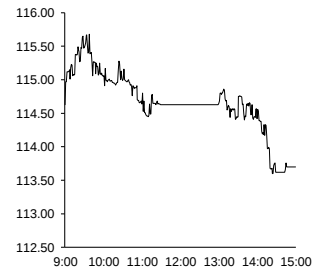
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

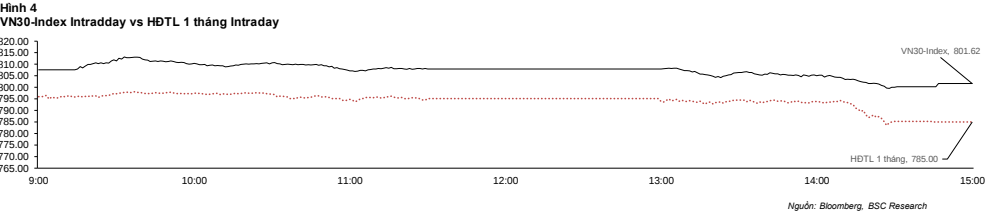
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hóa chất	-1.83%
Truyền thông	-1.59%
Dịch vụ tài chính	-1.53%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.35%
Ngân hàng	-1.27%
Công nghệ Thông tin	-0.98%
Dầu khí	-0.94%
Bất động sản	-0.94%
Ô tô và phụ tùng	-0.69%
Thực phẩm và đồ uống	-0.64%
Du lịch và Giải trí	-0.54%
Bảo hiểm	-0.47%
Tài nguyên Cơ bản	-0.28%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.26%
Bán lẻ	-0.18%
Y tế	-0.04%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.03%
Xây dựng và Vật liệu	0.00%
Viễn thông	0.00%

Nguồn: FinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2007	785.00	-1.38%	-16.62	-18.2%	143.297	7/16/2020	24
VN30F2008	775.00	-1.37%	-26.62	-17.7%	422	8/20/2020	59
VN30F2009	772.80	-1.01%	-28.82	-27.7%	102	9/17/2020	87
VN30F2012	770.50	-1.26%	-31.12	-19.1%	89	12/17/2020	178

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm 5.99 điểm xuống mức 801.62 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VHM, VPB, STB, MSN và VCB tác động mạnh đến trạng thái giảm của VN30. Chỉ số VN30 duy trì sắc xanh trong phiên sáng nhưng đã giảm dần vào phiên chiều. VN30 có thể sẽ chưa có được sự hồi phục trong những phiên tới.

• Các HĐTL hầu hết đều giảm điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số. Xét về khối lượng giao dịch, hầu hết các hợp đồng đều giảm, ngoại trừ VN30F2007. Tất cả các hợp đồng đều không có sự thay đổi trong vị thế mở. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của chỉ số trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 770 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVNM2003	MBS	9/4/2020	72	10.1	289,160	81.9%	3.0 triệu	31.27%	1,450	2,650	3.52%	2,428	1.09
CVNM2004	SSI	11/30/2020	159	1.1	17,400	-30.4%	2.0 triệu	31.27%	17,500	16,440	2.94%	10,339	1.59
CMBB2006	HSC	10/29/2020	127	2.1	121,820	1957.8%	5.0 triệu	34.36%	1,100	1,410	2.17%	1,062	1.33
CMBB2002	SSI	8/10/2020	47	1.1	324,780	2.2%	3.0 triệu	34.36%	1,300	980	0.00%	711	1.38
CNVL2001	KIS	12/16/2020	175	4.1	147,190	33.7%	2.0 triệu	16.72%	2,300	1,600	-1.23%	191	8.36
CMBB2003	SSI	11/9/2020	138	1.1	129,730	116.3%	3.0 triệu	34.36%	2,000	1,960	-1.51%	1,418	1.38
CFPT2004	SSI	8/10/2020	47	1.1	29,010	-4.7%	2.0 triệu	32.28%	5,100	7,310	-2.40%	1,207	6.05
CHPG2009	HSC	10/29/2020	127	2.1	78,990	105.9%	5.0 triệu	36.47%	1,600	3,000	-4.46%	2,686	1.12
CTCB2004	MBS	8/18/2020	55	2.1	121,510	-21.0%	2.0 triệu	36.29%	1,050	2,000	-4.76%	1,861	1.07
CFPT2003	SSI	11/9/2020	138	1.1	20,710	-33.1%	2.0 triệu	32.28%	7,300	9,780	-4.96%	2,927	3.34
CDPM2002	KIS	12/16/2020	175	1.1	157,590	23.9%	2.0 triệu	41.25%	1,700	2,770	-5.14%	1,744	1.59
CMWG2007	SSI	11/30/2020	159	1.1	29,470	-3.4%	2.0 triệu	39.63%	12,900	11,230	-5.79%	8,747	1.28
CSTB2002	KIS	12/16/2020	175	1.1	129,880	723.6%	3.0 triệu	41.05%	1,700	1,990	-6.57%	1,090	1.83
CHPG2008	SSI	11/30/2020	159	1.1	68,330	85.5%	5.0 triệu	36.47%	4,100	3,410	-7.08%	2,399	1.42
CVHM2002	SSI	11/30/2020	159	1.1	20,610	-23.4%	1.5 triệu	36.85%	11,500	10,690	-7.29%	7,453	1.43
CVPB2005	MBS	8/18/2020	55	2.1	141,330	-31.1%	2.0 triệu	43.89%	1,510	1,800	-7.69%	1,671	1.08
CSTB2003	KIS	9/16/2020	84	1.1	639,720	1.9%	3.0 triệu	41.05%	1,360	1,550	-10.92%	979	1.58
CVHM2003	HSC	10/29/2020	127	10.1	182,510	1.4%	5.0 triệu	36.85%	1,000	1,300	-10.96%	1,026	1.27
CSTB2004	SSI	11/30/2020	159	1.1	229,030	264.5%	5.0 triệu	41.05%	1,400	1,780	-12.75%	1,409	1.26
CMSN2001	KIS	12/16/2020	175	5.1	117,880	135.4%	2.0 triệu	34.17%	2,300	1,330	-14.19%	570	2.33
Tổng:					2,707,490		56.50 triệu	35.60%**					

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đạo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 24/6/2020, chứng khoán cơ sở và chứng quyền đa số đều ở trong sắc đỏ. Giá trị giao dịch giảm so với phiên hôm trước.

• Về giá, CVRE2004 và CVNM2002 tăng mạnh nhất lần lượt là 28.6% và 6.9%, ở chiều hướng ngược lại, CVIC2002 và CMSN2001 giảm mạnh nhất lần lượt là 14.3% và 14.2%. Thanh khoản thị trường giảm 4.56%. CSTB2003 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.98% thị trường.

• Hầu hết chứng quyền đều có giá thị trường cao hơn giá lý thuyết, ngoại trừ CHPG2005. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi và tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtr@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	117.10	0.95	0.81
VIC	94.70	0.53	0.31
PNJ	60.40	1.00	0.14
MBB	17.55	0.29	0.10
EIB	18.00	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VHM	75.7	-2.57	-1.02
VPB	22.3	-1.98	-1.01
STB	11.2	-3.03	-0.83
MSN	57.2	-2.05	-0.74
VCB	84.7	-1.51	-0.70

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVNM2003	108,500	94,000	117,100
CVNM2004	135,500	118,000	117,100
CMBB2006	18,700	16,500	17,550
CMBB2002	19,300	18,000	17,550
CNVL2001	75,088	65,888	58,300
CMBB2003	20,000	18,000	17,550
CFPT2004	55,100	50,000	47,200
CHPG2009	25,700	22,500	27,000
CTCB2004	19,100	17,000	20,500
CFPT2003	57,300	50,000	47,200
CDPM2002	16,952	15,252	15,000
CMWG2007	99,900	87,000	85,000
CSTB2002	13,588	11,888	11,200
CHPG2008	32,100	28,000	27,000
CVHM2002	88,500	77,000	75,700
CVPB2005	22,520	19,500	22,300
CSTB2003	12,471	11,111	11,200
CVHM2003	80,000	70,000	75,700
CSTB2004	12,400	11,000	11,200
CMSN2001	77,289	65,789	57,200

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	85.0	-0.4%	1.2	1,673	2.6	8,808	9.7	2.9	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	60.4	1.0%	1.3	591	1.0	5,248	11.5	2.7	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	48.0	-1.2%	1.3	1,549	1.1	1,307	36.7	1.8	28.3%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.7	0.0%	0.4	298	0.0	2,056	14.9	1.0	54.4%	6.8%
VIC	Bất động sản	94.7	0.5%	0.8	13,927	0.9	2,095	45.2	4.0	13.9%	10.6%
VRE	Bất động sản	26.9	-1.3%	1.1	2,653	1.6	1,226	21.9	2.3	30.9%	10.3%
NVL	Bất động sản	58.3	0.0%	0.8	2,458	2.9	3,584	16.3	2.5	6.0%	16.3%
REE	Bất động sản	31.4	0.0%	0.8	423	0.4	4,976	6.3	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	12.1	-4.3%	1.3	273	2.7	2,289	5.3	0.9	40.6%	15.9%
SSI	Chứng khoán	15.8	-2.2%	1.3	412	4.2	1,415	11.1	0.9	50.4%	7.8%
VCI	Chứng khoán	23.0	-3.6%	1.0	164	0.7	4,240	5.4	0.9	28.1%	18.0%
HCM	Chứng khoán	19.7	-3.4%	1.8	261	2.3	1,480	13.3	1.4	52.3%	12.0%
FPT	Công nghệ	47.2	-0.7%	0.8	1,609	1.3	4,804	9.8	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	55.5	-1.4%	0.4	600	0.1	4,812	11.5	2.9	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	72.6	-1.8%	1.5	6,041	0.8	5,820	12.5	2.7	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	45.9	-0.8%	1.5	2,376	3.8	869	52.8	2.9	13.5%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.5	-2.3%	1.6	260	1.3	1,238	10.1	0.5	11.7%	4.8%
BSR	Dầu khí	7.2	-1.4%	0.8	971	1.2	898	8.0	0.7	41.1%	8.5%
DHG	Dược	91.6	0.2%	0.5	521	0.0	5,046	18.2	3.4	54.5%	20.2%
DPM	Hóa chất	15.0	-2.0%	0.5	255	2.1	1,006	14.9	0.7	11.3%	5.4%
DCM	Hóa chất	9.2	-3.7%	0.4	212	0.8	415	22.2	0.8	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	84.7	-1.5%	1.2	13,658	2.6	4,848	17.5	3.7	23.8%	22.8%
BID	Ngân hàng	40.3	-1.0%	1.4	7,047	1.2	2,140	18.8	2.1	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	22.8	-1.9%	1.2	3,691	3.1	2,510	9.1	1.1	29.9%	12.6%
VPB	Ngân hàng	22.3	-2.0%	1.2	2,364	2.5	3,750	5.9	1.2	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.6	0.3%	1.1	1,840	4.4	3,398	5.2	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	23.8	-0.8%	1.0	1,721	3.1	3,780	6.3	1.3	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	54.5	-0.4%	0.9	194	0.8	5,303	10.3	1.7	81.0%	17.0%
NTP	Nhựa	39.0	-2.7%	0.4	166	0.0	4,208	9.3	1.5	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	16.4	-1.2%	0.4	705	0.0	356	46.1	1.3	1.9%	2.9%
HPG	Thép	27.0	0.0%	1.1	3,241	7.7	2,764	9.8	1.5	35.9%	17.4%
HSG	Thép	11.7	-1.7%	1.5	226	8.1	1,493	7.8	0.8	12.9%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	117.1	0.9%	0.7	8,866	3.8	5,453	21.5	6.8	58.8%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	160.0	-2.4%	0.8	4,461	0.6	6,719	23.8	6.0	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	57.2	-2.1%	1.0	2,907	2.4	3,961	14.4	1.6	39.1%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.9	-1.0%	0.8	379	1.4	171	87.0	1.2	6.0%	1.5%
ACV	Vận tải	62.5	-0.8%	0.8	5,916	0.8	3,450	18.1	3.7	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	108.5	-0.8%	1.1	2,471	1.3	7,110	15.3	3.8	18.3%	26.3%
HVN	Vận tải	27.0	-0.4%	1.7	1,665	0.4	1,654	16.3	2.1	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	20.0	0.0%	0.9	258	0.2	1,583	12.6	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.9	-0.5%	1.1	133	0.3	2,117	5.1	0.7	25.5%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	63.0	0.5%	0.9	425	0.5	9,201	6.8	3.0	2.8%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.2	-1.0%	0.8	374	0.1	1,453	13.2	1.3	9.9%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.9	0.0%	1.0	231	0.0	1,938	7.2	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	72.0	-0.7%	1.1	239	3.9	8,032	9.0	0.6	46.3%	7.3%
VCG	Xây dựng	28.9	5.1%	0.4	555	1.6	1,498	19.3	1.9	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	18.9	-1.0%	0.3	196	0.9	1,775	10.6	0.9	39.7%	8.5%
POW	Điện	10.4	-1.4%	0.6	1,054	1.6	1,028	10.1	0.9	11.7%	9.4%
NT2	Điện	21.6	-1.8%	0.5	270	0.2	2,543	8.5	1.4	18.0%	18.1%

Thông kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	117.10	0.95	0.55	750960.00
VIC	94.70	0.53	0.48	214320.00
PNJ	60.40	1.00	0.04	378710.00
MBB	17.55	0.29	0.04	5.74MLN
DGW	38.70	6.91	0.03	610400.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-1.91	2.00MLN	1.11MLN
VCB	0.00	-1.38	710160.00	607060.00
SAB	0.00	-0.73	82380.00	373600.00
GAS	0.00	-0.71	240120.00	192700.00
CTG	0.00	-0.48	3.06MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VID	8.42	6.99	0.00	115840.00
BSI	9.50	6.98	0.02	300630.00
PGI	17.65	6.97	0.03	21610.00
DAT	8.92	6.95	0.01	10.00
DGW	38.70	6.91	0.03	610400.00

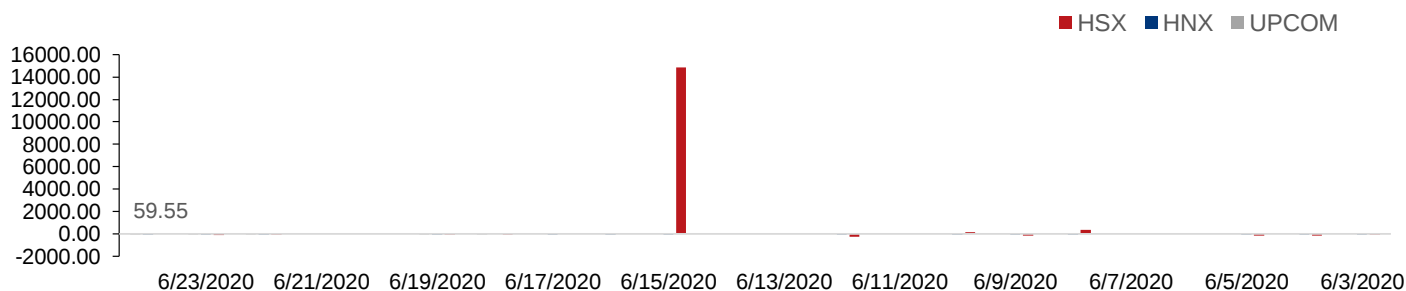
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VAF	8.56	-8.94	-0.01	40.00
SAV	8.30	-8.26	0.00	5820.00
VPD	18.60	-7.00	-0.01	1970.00
ITA	4.92	-6.99	-0.10	21.25MLN
QBS	3.06	-6.99	-0.01	1.25MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



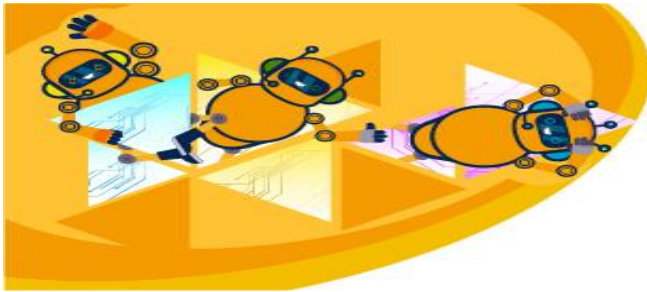
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
8	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
12	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
13	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	57.2	3,961	14.4	1.6	Click
2	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	38.4	4,717	8.1	1.4	Click
3	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.7	1,493	7.8	0.8	Click
4	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	44.1	5,479	8.0	2.2	Click
5	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	19.8	1,140	17.4	1.7	Click
6	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	27.0	2,764	9.8	1.5	Click
7	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	20.5	2,987	6.9	1.1	Click
8	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	60.4	5,248	11.5	2.7	Click
9	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	134.0	5,718	23.4	8.3	Click
10	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	12.1	2,289	5.3	0.9	Click
11	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	15.4	1,496	10.3	0.9	Click
12	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	20.8	7,637	2.7	1.0	Click
13	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	22.5	5,311	4.2	1.0	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	38.7	4,465	8.7	1.7	Click
15	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	84.7	4,848	17.5	3.7	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	23.8	3,780	6.3	1.3	Click
17	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	36.9	6,553	5.6	1.3	Click
18	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	50.6	3,887	13.0	2.6	Click
19	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	47.2	4,804	9.8	2.2	Click
20	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	20.0	1,583	12.6	1.0	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gói báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VGI 2020Q2	29/5/2020	Dự báo KQKD: Doanh thu tăng trưởng 10-15%, LNTT 2020 đạt dương. Không chia cổ tức năm 2019 Về ảnh hưởng của dịch Covid đến hoạt động viễn thông dự kiến doanh thu dịch vụ giảm 10% vì Covid -19. Hành vi người tiêu dùng thay đổi: (1) Ở nhà nên doanh thu chủ yếu từ thuê bao (2) Nhu cầu giao dịch giảm. Tuy nhiên, công ty vẫn giữ kế hoạch cả năm tăng trưởng dương
VEA 2020Q2	27/5/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 44210 ; Giá tại Publish 40000 BSC ước tính lợi nhuận sau thuế của VEA trong năm 2020 đạt 5,921 tỷ VND (-19% yoy) tương đương với 4,421 đồng/cp, P/E fwd = 9x (thấp hơn P/E trung bình khu vực 10.7x – mục lục) với giả định (1) sản lượng tiêu thụ xe máy năm 2020 giảm -10% yoy (2) sản lượng tiêu thụ ô tô (Honda, Toyota) giảm -30% yoy (3) mức lợi nhuận ròng của Honda ở mức 15.5% (giảm từ mức 16% năm 2019), lợi nhuận ròng Toyota ở mức 10.5% (giảm từ 11% năm 2019).
Express DGC3 2020Q2	26/5/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: + Tập đoàn DGC: tăng LNST kế hoạch 2020 lên 700 tỷ (từ mức 600 tỷ) (+22.4% YoY). + Công ty con: PAC: năm 2019 lãi 10 tỷ, Q1.20: lãi 30 tỷ, dự kiến 2020 lãi 100 tỷ Trong năm 2019: + Việc không điều chỉnh giá bán P4 trong khi nhu cầu tiêu thụ thấp khiến KQKD sụt giảm, mất nhiều thị trường => Dấu hiệu: khả năng purchase power thấp + Sau khi mua thêm 2 lò cao, thị phần đạt 70%. 6 lò cao: 1 + 2: 50 – 60% công suất, 3 + 4: phập phù, 5: chạy full, 6: còn đang lắp
Express TCB 2020Q2	20/5/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 25000 ; Giá tại Publish 21300 Dự báo KQKD: BSC dự báo TCB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 25,163 tỷ VND và 14,159 tỷ VND (giảm lần lượt 3% và 6.7% so với báo cáo trước). BVPS 2020 ở mức 20,947 VND/cp. Catalyst: Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt trong điều kiện dịch bệnh. Định giá ở mức hấp dẫn.
VTP 2020Q2	19/5/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 145900 ; Giá tại Publish 125000 Dự báo KQKD: BSC dự báo năm 2020 doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt 11,358 tỷ (+45.4% YoY) và 482 tỷ (+26.8% YoY). EPS fw 2020 đạt 7,085 VND, tương ứng với mức PE fw 2020 là 17.6. Rủi ro Đầu tư: Cạnh tranh giữa các công ty Bưu chính truyền thống và các công ty khởi nghiệp Chuyển phát nhanh. Cập nhật KQKD: Viettel Post công bố kết quả kinh doanh quý 1 năm 2020 với tốc độ tăng trưởng hai chữ số. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 2,460 tỷ (+83.6% YoY) và 97 tỷ (+26.2% YoY).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn